

Số: 55/QĐ-THPTML

Mường Luân, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành báo cáo tự đánh giá
của trường THPT Mường Luân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hiệu trưởng trường Trung học;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT, ngày 10/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia;

Xét đề nghị của Phó hiệu trưởng phụ trách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành báo cáo tự đánh giá của trường THPT Mường Luân (văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phó Hiệu trưởng, tổ trưởng các tổ chuyên môn, Văn phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT.

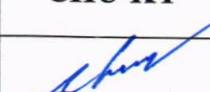
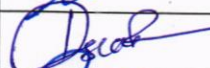
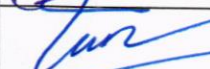

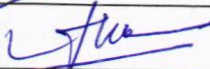
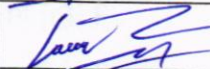
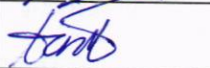
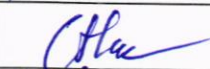




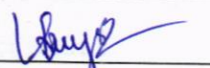
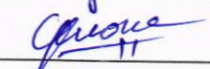



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Trường THPT Mường Luân

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Vũ Xuân Hồng	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Vì Văn Dinh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Hà Văn Tuấn	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Nguyễn Thu Hiền	Thư ký hội đồng	Thư ký	
5	Vì Văn Chuẩn	Bí thư ĐTN	Ủy viên HĐ	
6	Lê Hoài Nam	Phó BT ĐTN	Ủy viên HĐ	
7	Vũ Chí Công	TTCM	Ủy viên HĐ	
8	Nguyễn Thị Quỳnh Hải	TTCM	Ủy viên HĐ	
9	Bùi Thị Riêu	TTCM	Ủy viên HĐ	
10	Dương Văn Thắng	TPCM	Ủy viên HĐ	
11	Nguyễn Văn Thuyên	TPCM	Ủy viên HĐ	
12	Nguyễn Thị Thanh	TPCM	Ủy viên HĐ	
13	Lê Thị Duyên	TTVP	Ủy viên HĐ	
14	Lê Việt Cường	TPVP	Ủy viên HĐ	
15	Cà Thị Thu	Nhân viên	Ủy viên HĐ	

MƯỜNG LUÂN – (NĂM 2025)

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	5
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	7
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ.....	11
I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	11
II. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.....	12
Tiêu chí 1.1:.....	13
Tiêu chí 1.2:.....	14
Tiêu chí 1.3:.....	15
Tiêu chí 1.4:.....	17
Tiêu chí 1.5:.....	19
Tiêu chí 1.6:.....	21
Tiêu chí 1.7:.....	23
Tiêu chí 1.8:.....	24
Tiêu chí 1.9:.....	25
Tiêu chí 1.10:.....	26
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.....	29
Tiêu chí 2.1:.....	29
Tiêu chí 2.2:.....	31
Tiêu chí 2.3:.....	33
Tiêu chí 2.4:.....	35
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.....	38
Tiêu chí 3.1:.....	38
Tiêu chí 3.2:.....	39
Tiêu chí 3.3:.....	41
Tiêu chí 3.4:.....	43
Tiêu chí 3.5:.....	45
Tiêu chí 3.6:.....	46
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.....	49
Tiêu chí 4.1:.....	49
Tiêu chí 4.2:.....	51

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.....	53
Tiêu chí 5.1:.....	54
Tiêu chí 5.2:.....	56
Tiêu chí 5.3:.....	57
Tiêu chí 5.4:.....	59
Tiêu chí 5.5:.....	60
Tiêu chí 5.6:.....	62
III. Tự đánh giá tiêu chí mức 4:	66
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG:.....	70

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung	Chữ viết tắt	Nội dung
THPT	Trung học phổ thông	KTXH	Kinh tế xã hội
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
CBGV	Cán bộ giáo viên	HK	Học kì
QĐ	Quyết định	HĐ	Hội đồng
TB	Trung bình	CLB	Câu lạc bộ
UBND	Ủy ban nhân dân	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
TT-BGD&ĐT	Thông tư Bộ Giáo dục và Đào tạo	HSG	Học sinh giỏi
GD	Giáo dục	VSMT	Vệ sinh môi trường
BGH	Ban giám hiệu	CNTT	Công nghệ thông tin
CBQL	Cán bộ quản lý	GDTTrH	Giáo dục trung học
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm	HS	Học sinh
CSVC	Cơ sở vật chất	CBCC	Cán bộ công chức

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				x
Tiêu chí 1.2				x
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4			x	
Tiêu chí 1.5			x	
Tiêu chí 1.6				x
Tiêu chí 1.7			x	
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10				x
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2				x
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4				x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1			x	
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4			x	
Tiêu chí 3.5			x	
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1			x	
Tiêu chí 4.2			x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				x
Tiêu chí 5.2				x

Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5			X	
Tiêu chí 5.6			X	

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1	X		
2		X	
3		X	
4		X	
5		X	
6	X		

Kết quả: Trường không đạt mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THPT Mường Luân

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Điện Biên.

Tỉnh/thành phố	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Vũ Xuân Hồng
Xã	Mường Luân	Điện thoại	02156 260 889
Đạt chuẩn quốc gia		FAX	
Năm thành lập	2004	Website	http://thptmuongluan.dienbien.edu.vn
		Số điểm trường	
Công lập	x	Có học sinh khuyết tật	1
Tư thục	0	Có học sinh bán trú	0
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0	Có học sinh nội trú	x
Trường liên kết với nước ngoài	0	Loại hình khác	0
Trường phổ thông DTNT	0		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Khối lớp 10	5	5	5	5	4
Khối lớp 11	4	4	5	4	4
Khối lớp 12	3	4	4	4	4
Cộng	12	13	14	13	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	15	15	15	20	20
1	Phòng học	13	13	13	18	18
a	Phòng kiên cố	6	6	6	12	12
b	Phòng bán kiên cố	7	7	7	7	7
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	2	2	2	2	2
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	6	6	6	6	6
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	8	8	8	8	8
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2
2	Phòng bán kiên cố	6	6	6	6	6
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình,	0	0	0	0	0

khối phòng chức năng khác (nếu có)						
Cộng	30	30	30	35	35	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

TT		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
					Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
1	Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
2	Phó Hiệu trưởng	2	0	1	0	0	2	
3	Giáo viên	25	8	8	0	22	3	
4	Nhân viên	7	4	4	1	6	0	
Cộng		35	14	13	1	29	5	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	24	26	25	28	25
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2	2,17	1,92	2,15	2,08
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	1	1	4	4

4. Học sinh:

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số học sinh	484	542	560	543	495
	- Nữ	171	189	222	215	214
	- Dân tộc thiểu số	475	531	550	532	489

	- Khối lớp 10	219	237	219	220	177
	- Khối lớp 11	148	170	189	170	174
	- Khối lớp 12	117	135	152	153	144
2	Tổng số tuyển mới	219	237	219	220	177
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	x
4	Bán trú	0	0	0	0	0
5	Nội trú	180	180	160	0	203
6	bình quân số học sinh/lớp học	40,3	45,2	43,1	41,8	41,3
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ	35,3%	34,9%	39,6%	39,6%	43,2
	- DT thiểu số	98,1%	98,0%	98,2%	98,0%	98,8
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	1	1	05	03	05
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số đối tượng chính sách	0	0	0	0	0
11	Lưu ban	4	3	2	2	1
	Bỏ học	37	39	44	37	21
	Tổng số học sinh tốt nghiệp	109	129	148	147	138
	- Nữ	40	39	58	58	63
	- Dân tộc	107	128	143	144	136
	Tỷ lệ chuyển cấp (hoặc thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng)	97%	100%	100%	99%	97,8%

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

(Không có)

c) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi/tốt	0,5%	2,4%	3,9%	5,2%	3,8%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	47,6%	52,6%	44,9%	54,8%	67,8%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại TB/đạt	47,3%	39,6%	44,1%	32,5%	28,0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém/CĐ	4,6%	5,4%	8,9%	7,5%	0,4%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	77%	82,7%	79,4%	77,4%	85,1%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	19,2%	12,2%	12%	14,7%	12,2%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm đạt/TB	2,6%	4,8%	4,1%	3,6%	2,3%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu/CĐ	1,2%	0,3%	4,5%	4,4%	0,4%	

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung về nhà trường

Trường THPT Mường Luân được thành lập năm 2004. Khi mới thành lập, trường THPT Mường Luân trong điều kiện rất khó khăn về CSVC, học sinh trên 95% là người dân tộc thiểu số, đời sống khó khăn, hạn chế về nhận thức nhưng với tinh thần quyết tâm cao của cán bộ giáo viên – nhân viên, trường THPT Mường Luân vẫn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đặc biệt trong 5 năm trở lại đây chất lượng dạy và học của nhà trường không ngừng được nâng lên, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đều cao hơn mặt bằng chung của tỉnh, trong đó có năm đạt 100%, đã có nhiều học sinh đỗ đại học, cao đẳng.

1.1. Về Cơ cấu tổ chức (năm học 2024-2025)

Trường có 03 tổ Chuyên môn (tổ Toán – Tin – CN – Tiếng Anh: 10 GV; Tổ Văn - Sử - Địa - GDCD: 07 GV và 01 phục vụ giảng dạy; Tổ Lý – Sinh – Hóa – GDTC - GDQP-QP: 08 GV); 01 tổ Văn phòng: 06 nhân viên; 03 CBQL.

Chi bộ Đảng gồm 23 đảng viên (9 nữ).

Chi bộ đảng, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong nhà trường luôn hoạt động đúng qui chế và có hiệu quả.

1.2. Về quy mô, đội ngũ

Năm học 2024 - 2025, nhà trường có 12 lớp (khối 10: 4, khối 11: 4, khối 12: 4), tổng số học sinh toàn trường: 495

Nhà trường có 35 cán bộ giáo viên đạt chuẩn 100%, trong đó có 06 thạc sĩ, 03 cán bộ quản lý và 01 đồng chí trong quy hoạch có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

GV dạy giỏi cấp Tỉnh: 4; GV dạy giỏi cấp trường: 18.

1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tại thời điểm tự đánh giá trường đã có hệ thống CSVC khang trang, sạch đẹp đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường có 13 phòng học, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ; hệ thống phòng làm việc của BGH, hành chính; 01 phòng y tế, ... đảm bảo phục vụ tốt mọi hoạt động của nhà trường.

Trường được trang bị 01 phòng học tiếng với 31 tai nghe tiếng Anh; 01 phòng vi tính với 30 bộ máy, 01 phòng đựng dụng cụ thực hành Lý, Hoá, Sinh, Công nghệ đầy đủ trang thiết bị dạy học...

Nhà trường đã xây dựng và vận hành trang Website riêng từ năm 2016. Đây là một kênh thông tin giúp cho nhà trường trong công tác truyền thông.

2. Mục đích tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường:

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường báo cáo với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường; đề cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Công tác tổ chức và quản lý trường học là yếu tố quan trọng hàng đầu dẫn đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường THPT. Xác định rõ điều đó nhà trường THPT Mường Luân đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT gồm: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, Hội đồng trường, tổ chức cơ sở Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội đồng giáo dục, Hội đồng thi đua khen thưởng và kỉ luật, các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng,... Các tổ chức hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các hoạt động giáo dục được hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá theo quy chế của Bộ GD&ĐT ban hành để kịp thời chấn chỉnh và cải tiến các biện pháp quản lý hiệu quả hơn.

Tiêu chí: 1.1-Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển KT-XH địa phương và nguồn lực của nhà trường.

b. Phương hướng, chiến lược được xác định bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Phương hướng, chiến lược được công bố công khai bằng hình thức phù hợp.

Mức 2:

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển, có sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ.

Mức 3: Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển KT-XH địa phương và nguồn lực của nhà trường. [H1-1.1-01].

b. Phương hướng, chiến lược được xác định bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. [H1-1.1-06], [H1-1.1-08], [H1-1.1-10].

c. Phương hướng, chiến lược được công bố công khai bằng hình thức phù hợp. [H1-1.1-05], [H1-1.1-07].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển, có sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ. [H1-1.1-02], [H1-1.1-10].

Mức 3: Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục. [H1-1.1-02], [H1-1.1-05],

2. Điểm mạnh:

Phương hướng phát triển rõ ràng, phù hợp thực tế; có sự đồng thuận cao trong cán bộ, giáo viên; được công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu:

Một số nội dung triển khai chiến lược còn chậm tiến độ do điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục hoàn thiện và điều chỉnh chiến lược phù hợp thực tế; tăng cường bồi dưỡng năng lực quản lý cho cán bộ; huy động các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ thực hiện chiến lược.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	-	Đạt	-	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3.

Tiêu chí: 1.2 – Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

a. Hội đồng trường được thành lập theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b. Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

c. Các hoạt động của hội đồng trường được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Các hội đồng khác (Hội đồng thi đua – khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn,...) được thành lập, hoạt động đúng quy định và có hiệu quả.

Mức 3: Các hội đồng phát huy tốt vai trò trong việc tư vấn, giám sát, nâng cao chất lượng quản lý, hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a. Hội đồng trường được thành lập theo quy định của Bộ GD&ĐT. [H1-1.2-01].
- b. Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. [H1-1.2-02], [H1-1.2-03], [H1-1.2-04].
- c. Các hoạt động của hội đồng trường được định kỳ rà soát, đánh giá. [H1-1.2-05], [H1-1.2-07].

Mức 2:

Các hội đồng khác (Hội đồng thi đua – khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn,...) được thành lập, hoạt động đúng quy định và có hiệu quả. [H1-1.2-06], [H1-1.2-08],

Mức 3: Các hội đồng phát huy tốt vai trò trong việc tư vấn, giám sát, nâng cao chất lượng quản lý, hoạt động nhà trường. [H1-1.2-08], [H1-1.2-10],

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường được thành lập đúng quy định, hoạt động nền nếp, hiệu quả. Các hội đồng khác hoạt động tốt, có sự phối hợp chặt chẽ với BGH.

3. Điểm yếu:

Một số hội đồng chưa thật sự chủ động trong công tác tư vấn, giám sát; tần suất họp định kỳ còn chưa đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường vai trò của hội đồng trường trong hoạch định chiến lược và giám sát; tập huấn kỹ năng hoạt động cho các hội đồng; tổ chức đánh giá định kỳ hằng năm.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	-	Đạt	-	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3.

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

- a. Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b. Hoạt động theo quy định.

c. Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b. Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Nhà trường có các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh [H1- 1.3-01]; [H1- 1.3- 02]; [H1- 1.3- 03]; [H1- 1.3-04].

b. Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục [H1- 1.3- 03]; [H1- 1.3-04]; [H1-1.3-05], [H1-1.3- 06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-10]; [H1- 1.3-12]; [H1-1.3-14].

c. Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá [H1-1.3-07], [H1-1.3- 08]; [H1-1.3- 09]; [H1-1.3-15].

Mức 2

a) Từ năm 2015 đến nay Chi bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

b. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường hoạt động tích cực [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05] ;[H1-1.7-06].

Công đoàn trường chăm lo tốt cho đời sống công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác, đồng thời động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực thi đua các phong trào của trường, của ngành. Trong 5 năm tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-07] ;[H1-1.3-08].

Mức 3

a. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-07].

b. Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-10] ;[H1-1.3-12].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức trong nhà trường: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên có cơ cấu tổ chức theo quy định và hoạt động theo đúng Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ đã thể hiện rõ vai trò nòng cốt lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện tới chính quyền. Các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt quy chế phối hợp góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Các tổ chức hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ trường trung học phổ thông. Trong 05 năm các tổ chức luôn được đánh giá đạt cơ sở vững mạnh hoàn thành tốt các nhiệm vụ được các cấp khen thưởng ghi nhận.

3. Điểm yếu

Đôi khi công tác tham mưu, phối hợp của Công đoàn, Đoàn thanh niên còn chưa chủ động, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục

Công đoàn, Đoàn thanh niên cần chủ động hơn trong công tác phối hợp và tham mưu cho cấp ủy Đảng và Chính quyền.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Trường THPT Mường Luân có Hiệu trưởng do Giám đốc Sở GD&ĐT bổ nhiệm [H1-1.4- 01].

- Nhà trường có 02 Phó Hiệu trưởng do Giám đốc Sở GD&ĐT Điện Biên bổ nhiệm [H1-1.4-01].

b. Trường THPT Mường Luân có 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở phê duyệt các chức danh của Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, và nhân viên tạp vụ [H1-1.4-02].

c. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần. Dựa trên kế hoạch xây dựng, các tổ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường Trung học phổ thông [H1-1.4-04].

Mức 2

a. Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 01 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục [H1-1.4-12]; [H1-1.4-13].

b. Hàng tháng, theo qui định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt tổ 2 lần/tháng. Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08];

Mức 3

a. Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10];

b. Các chuyên đề chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường nhưng vẫn chưa nhiều và chưa đồng đều giữa các tổ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ Ban giám hiệu và các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo qui định.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của nhà trường. Việc tổ chức các chuyên đề đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của tổ nói riêng và của nhà trường nói chung. Tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ đã giúp các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Kinh nghiệm quản lý tổ chuyên môn của cán bộ quản lý tổ còn hạn chế.

Các chuyên đề chuyên môn chưa có hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sau khi tổ chức chuyên đề, tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên bằng việc kiểm tra công tác soạn giảng, dự giờ, trao đổi chuyên môn. Tập trung đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề trong các lần sinh hoạt tổ để hỗ trợ các giáo viên gặp khó khăn trong việc thực hiện chuyên đề.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1 và đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- Có đủ các lớp của cấp học.
- Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định.
- Lớp học được tổ chức theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm). Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông không quá 40 (Bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (Ba mươi lăm) học sinh (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã có đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông được sở GD&ĐT Điện Biên phê duyệt. Nhà trường có đủ 03 khối với 13 lớp [H1-1.5- 01];

b. Theo quy định Điều 15. Điều lệ trường trung học:

Trường THPT Mường Luân có 13 lớp, lớp học được tổ chức theo quy định. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn. Được bầu vào đầu năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm mỗi lớp [H1-1.5- 02]; [H1-1.5-03]

c. Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học theo nguyên tắc tự quản dân chủ do học sinh thành lập ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm. Có Ban cán sự lớp được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường [H1-1.5- 02]; [H1-1.5-03]

Mức 2

Sĩ số học sinh hàng năm trung bình là 35 học sinh/lớp [H1-1.5- 01];

2. Điểm mạnh

Trường THPT Mường Luân có đầy đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông. Từ lớp 10, lớp 11 đến lớp 12 theo đúng quy định.

Nhà trường đã thực hiện đúng theo quy định: Tổ chức học sinh theo các khối lớp học. Trong lớp học có đủ Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn.

Nhà trường đã thực hiện tốt nguyên tắc tự quản, dân chủ ở mỗi lớp.

3. Điểm yếu

Số học sinh trong năm học giảm (học sinh bỏ học đi làm, học sinh đi học nghề);

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để vận động thu hút đối tượng học sinh ra học nhiều hơn. Phối hợp giáo viên chủ nhiệm, gia đình cùng địa phương giảm tỉ lệ học nghỉ học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1 và đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản nhà trường.

Mức 1:

- a. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.
- b. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.
- c. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.
- b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

- a. Các loại hồ sơ, văn bản, theo quy định được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.6- 01];
- b. Nhà trường có lập dự toán, thực hiện chi tiêu, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành [H1-1.6- 02]; [H1-1.6- 03];
- c. Quản lý tài sản, tài chính hợp lý đúng mục đích để phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. [H1-1.6- 04]; [H1-1.6- 05]; [H1-1.6- 06];

Mức 2:

- a. Trong những năm học qua nhà trường đã ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính và quản lý tài sản của nhà trường một cách có hiệu quả;

Quản lý các hoạt động hành chính: Thống kê, báo cáo, quản lý khối hành chính nhà trường. [H1-1.6- 07];

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường thông qua các phần mềm như: phần mềm kế toán DTSoft, phần mềm giao dịch kho bạc, phần mềm bảo hiểm xã hội [H1-1.6- 08];

b. Nhà trường có lập dự toán, thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra. [H1-1.6- 02]; [H1-1.6- 03];

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có lập dự toán kinh phí phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H1-1.6- 02];

2. Điểm mạnh:

Nhà trường ứng dụng một cách có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản nhà trường.

Nhà trường hàng năm đã tiến hành xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hợp lý, đúng quy định và sát với yêu cầu thực tế, luôn thực hiện đúng và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giáo dục, thực hiện đúng Luật ngân sách Nhà nước.

3. Điểm yếu:

Công tác xã hội hóa còn hạn chế.

Chưa tiết kiệm chi thường xuyên do hạn chế nguồn ngân sách cấp phát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về về thủ tục tài chính đối với hoạt động thu chi của nhà trường.

6. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Kế hoạch đề ra các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02];

b. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà trường đã phân công, sử dụng cán bộ giáo viên-nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H-1.7-05];

c. Cán bộ giáo viên-nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh; được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định của pháp luật

[H1-1.7- 10]; [H1-1.7- 11]; [H1-1.7- 12]; [H1-1.7- 05].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các sinh hoạt chuyên đề, hội thảo để bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02];

Tổ chức hướng dẫn và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với nhà giáo, với nhân viên theo quy định hiện hành [H1-1.7- 10]; [H1-1.7- 11]; [H1-1.7- 12]; [H1-1.7- 06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường quan tâm đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên-nhân viên, phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ giáo viên-nhân viên.

3. Điểm yếu:

Đội ngũ giáo viên tuy cơ bản đã đủ về số lượng nhưng đa số là giáo viên trẻ về tuổi đời, tuổi nghề còn thiếu kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ; thiếu giáo viên cốt cán ở một số môn;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia các lớp học chuyên ngành, các đợt tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 1 và mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học.

b. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm, theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền.

c. Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá có hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học.

Trường có đủ hệ thống hồ sơ theo dõi hằng năm về các hoạt động giáo dục trong lớp và ngoài giờ lên lớp được thực hiện đầy đủ và đúng theo kế hoạch [H1-1.8-01]; kết quả hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hàng năm được tổ chức có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng dạy và học [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], có biên bản các hoạt động sinh hoạt chuyên môn [H1-1.8-04]; đầy đủ thời khóa biểu chính khóa. Thời khóa biểu dạy thêm học thêm theo từng tuần học [H1-1.8-05].

b. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định của Bộ GD&ĐT và các cấp có thẩm quyền. Hoạt động dạy thêm, dạy phụ đạo để hỗ trợ kiến thức cho học sinh được tổ chức thường xuyên và có hiệu quả, kết quả chất lượng đại trà năm

sau cao hơn năm trước, không có giáo viên nào vi phạm quy định dạy thêm học thêm [H1-1.8-09].

c. Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Hồ sơ tuyển dụng đề bạt, bổ nhiệm thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính dân chủ [H1- 1.8-08].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục:

- Nhà trường có hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên [H1- 1.7-03]; biên bản kiểm tra của cấp trên có liên quan [1.8-08]; hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm [H1- 1.8-09].

2. Điểm mạnh

- Các lớp tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động theo kế hoạch nhà trường một cách tích cực, tự giác.

- Đội Cờ đỏ, trực ban thường xuyên theo dõi, nhắc nhở các bạn thực hiện tốt mọi nội quy, quy định của nhà trường.

- Đầy đủ sổ nghị quyết, kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn, đoàn thể.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết kịp thời, đầy đủ, sát sao với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Nhân viên văn thư lưu trữ các văn bản khá đầy đủ.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động giáo dục, quản lý học sinh đúng theo Điều lệ trường trung học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, phát huy được tính năng động, sáng tạo của CB-GV-NV và học sinh; ứng dụng hiệu quả các phần mềm tin học trong công tác quản lý học sinh.

- Hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường được quản lý đúng quy định của Bộ GD&ĐT, của UBND tỉnh Điện Biên và hướng dẫn của Sở GDĐT; không có giáo viên vi phạm về dạy thêm, học thêm.

- Quản lý trường đã thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý CB-GV-NV theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

3. Điểm yếu

- Lực lượng phụ huynh còn ít, chưa thực sự quan tâm đến con em mình, chưa chủ động trong các hoạt động của nhà trường chưa được sôi nổi, chưa đa dạng còn phiến diện.

- Đa số học sinh là con em đồng bào các dân tộc ít người, ý thức tự giác, chất lượng các hoạt động phong trào còn kém chất lượng.

- Kế hoạch lên đôi lúc còn chưa thực hiện triệt để.

- Kế hoạch đôi lúc lên chưa kịp thời sát sao với tiến trình công việc.

- Việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các cơ quan chức năng trong công tác quản lý học sinh có lúc chưa kịp thời, đầy đủ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Trong các năm học, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục triển khai có hiệu quả việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý học sinh đúng theo Điều lệ trường trung học, phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

- Trong năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 GVCN phối hợp giáo viên bộ môn nắm bắt tình hình học tập của học sinh, động viên nhắc nhở học sinh yếu kém một cách kịp thời;

- Quản lý trường tiếp tục tăng cường quản lý tốt hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường theo quy định của Bộ GDĐT và các cấp có thẩm quyền.

- Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục chỉ đạo nhân viên được phân công làm công tác tổ chức; hàng năm, rà soát thời gian tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, viên chức để tham mưu cho hiệu trưởng về hồ sơ, quy trình bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ Văn phòng theo quy định.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 1 và mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c. Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Trường đã xây dựng được quy chế dân chủ trong trường học. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường

thông qua Nghị quyết Hội nghị cán bộ công nhân, viên chức đầu năm học [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03]; [H1-1.1-06].

b. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của giáo viên và học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đúng pháp luật thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và Công đoàn trường [H1-1.9-02]; [H1-1.3-07]; [H1-1.9-04].

c. Hằng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-05].

Mức 2:

Trường đã xây dựng được Bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được quy chế dân chủ trong trường học.

Các khiếu nại, tố cáo, phản ánh của giáo viên và học sinh được giải quyết kịp thời, không có tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

3. Điểm yếu

Quy chế dân chủ đã được xây dựng nhưng chưa thực hiện triệt để.

Việc thực hiện cơ chế giám sát còn chưa được thường xuyên, liên tục, chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần thực hiện nghiêm túc, triệt để quy chế dân chủ đã được xây dựng.

Thực hiện thường xuyên, liên tục các biện pháp và cơ chế giám sát.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 1 và mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a. Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn trường học theo quy định.

b. Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức tiếp nhận thông tin phản ánh.

c. Không có hiện tượng kỳ thị, bạo lực học đường, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

Mức 2:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các phương án đảm bảo an toàn; nhà trường thường xuyên kiểm tra, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến an ninh trật tự, bạo lực học đường.

Mức 3:

Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh được duy trì ổn định; các biện pháp phòng ngừa được thực hiện hiệu quả, không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Nhà trường xây dựng và ban hành đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; phòng chống cháy nổ, thiên tai, dịch bệnh theo quy định. [H1-1.10-01].

b. Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng; phân công bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh. [H1-1.10-02].

c. Trong những năm gần đây, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, bạo lực học đường, vi phạm pháp luật. [H1-1.10-03].

Mức 2:

Các phương án đảm bảo an toàn được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; nhà trường phối hợp với công an địa phương kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời các biểu hiện mất an toàn. [H1-1.10-01], [H1-1.10-04].

Mức 3:

Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh được duy trì ổn định; học sinh có ý thức chấp hành nội quy, không xảy ra vụ việc nghiêm trọng về an ninh trật tự trong nhà trường. [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường quan tâm chỉ đạo sát sao công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền và lực lượng công an địa phương; ý thức chấp hành nội quy của cán bộ, giáo viên và học sinh tốt.

3. Điểm yếu:

Một số trang thiết bị hỗ trợ công tác an ninh (camera giám sát, hệ thống cảnh báo) chưa được đầu tư đồng bộ do điều kiện kinh phí còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục rà soát, bổ sung và cập nhật các phương án đảm bảo an toàn; tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng phòng chống tai nạn, bạo lực học đường cho học sinh; từng bước đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo an ninh trật tự phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	—	Đạt	—	Đạt
b	Đạt	—	—	—	—
c	Đạt	—	—	—	—

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh

Tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý của nhà trường đầy đủ, hoạt động đúng chức năng theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Công tác quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được thực hiện chặt chẽ, đúng qui định.

Nhà trường đã có nhiều biện pháp đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Có kế hoạch phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường.

Chiến lược phát triển nhà trường theo các giai đoạn đã được xây dựng triển khai thực hiện, có rà soát, điều chỉnh và bổ sung theo đúng quy định.

2. Điểm yếu:

Số lượng học sinh của nhà trường không ổn định qua từng năm học, nên việc thực hiện chiến lược phát triển nhà trường gặp nhiều khó khăn.

3. Tự đánh giá

Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 10/10

Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 10/10

Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 5/7

Tổng số lượng tiêu chí: 10

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Trường THPT Mường Luân có đầy đủ cơ cấu tổ chức về cán bộ, GV theo Điều lệ trường trung học.

BGH nhà trường gồm 03 đồng chí được bổ nhiệm theo quy định, đảm bảo các quy định, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao.

Nhà trường có Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn, có đủ số lượng, cơ cấu GV các môn học, đủ các nhân viên chuyên trách theo quy định của Điều lệ trường trung học. HS nhà trường đi học đảm bảo độ tuổi theo quy định, đa số các em HS chăm ngoan, thực hiện nghiêm túc các quy định về nhiệm vụ của HS.

Các tổ chức bộ máy trong nhà trường và cá nhân được phân công nhiệm vụ cụ thể công việc theo kế hoạch năm học.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a. Đạt tiêu chuẩn theo quy định [H2.2.1.01].

b. Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

- Nhà trường có đủ cán bộ quản lý theo quy định: gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu Đạt yêu cầu tại Điều lệ trường trung học Đồng chí Hiệu trưởng không quá 02 nhiệm kỳ ở nhà trường [H1-1.4-01]; [H1-1.4-03].

Các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo: trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục. Đạt tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn, nghiệp vụ có năng lực quản lý, đã được bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ và quản lý giáo dục; đảm bảo sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp và được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01]; [H1-1.4-05]; [H2-2.1-09]; Có thành tích cao trong công tác được các cấp thẩm quyền khen thưởng [H2-2.1-06].

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

a. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. [H2-2.1-01]; [H1-1.2-09].

b. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp Lý luận Chính trị; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. [H2-2.1-05]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. [H2-2.1-01]; [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị, thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, các quy định khác của bộ GD&ĐT.

- Cán bộ quản lý nhà trường liên tục đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở nhiều năm, đạt chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, được nhận giấy khen, Bằng khen các cấp (Sở, tỉnh, Bộ GD&ĐT, Thủ Tướng Chính phủ). Có khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý; tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác chỉ đạo, quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhất là chất lượng giáo dục mũi nhọn còn chưa cao, chất lượng các cuộc thi còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng phát huy điểm mạnh trong các năm học tiếp theo. Tham gia học tập, tập huấn các khóa học nhằm nâng cao nghiệp vụ quản lý và chuyên môn khi có điều kiện. Tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng Tiếng Anh, tiếng dân tộc, để đáp ứng được công tác quản lý giáo dục trong tình hình mới.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học;

trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Nhà trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-0.3]; [H2-2.2-0.1].

b. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H1-1.4-0.9]; [H2-2.2-0.2].

c. Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. [H1-1.4-09]; [H1-1.2-09]; [H1-1.4-16].

Mức 2:

a. Trong 05 năm liên tiếp tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-22-02].

b. Hàng năm có 100% giáo viên trong nhà trường được đánh giá giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H1-1.4-09]; [H1-1.2-09]; [H1-1.4-16].

c. Giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua các môn học; có khả năng hướng nghiệp, định hướng, phân luồng cho học sinh và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả. [H2-2.2-0.1]; [H1-1.2-09]; [H1-1.4-16].

Mức 3:

a. Các giáo viên trong trường đều tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong 05 năm liên tiếp có 100% giáo viên đều đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.4-09]; [H1-1.2-09]; [H1-1.4-05].

b. Hàng năm nhiều giáo viên trong nhà trường có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giáo viên của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ đào tạo; phẩm chất và năng lực công tác của giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đảm bảo theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên khi tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh còn chưa phong phú về nội dung và hình thức và các đề tài nghiên cứu khoa học hiệu quả chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục tạo mọi điều kiện để GV tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực và tham gia các lớp học để đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo. Động viên, khích lệ kịp thời để GV tích cực tham gia viết sáng kiến và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh.

- Đầu năm học Hiệu trưởng phân công bố trí nhiệm vụ cho giáo viên khoa học, hợp lí, phát huy những điểm mạnh của đội ngũ giáo viên trong nhà trường; tạo điều kiện cho giáo viên tăng cường tự học, tự bồi dưỡng và tham gia có hiệu quả các chuyên đề, các lớp tập huấn để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch, phân công rõ người thực hiện, lực lượng phối hợp, thời gian cụ thể trong từng năm để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hướng dẫn nghiên cứu KHKT cho học sinh

Giáo viên tích cực học hỏi, bồi dưỡng để nâng cao năng lực trong công tác tổ chức trải nghiệm sáng tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a. Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b. Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c. Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a. Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a. Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
 b. Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a. Nhà trường có 7 nhân viên: biên chế 04, hợp đồng 68: 03, trong đó: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên phụ trách thư viện, 01 nhân viên y tế, 02 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. [H2-2.3-03];
 b. Các nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-01];
 c. Các nhân viên của nhà trường đều hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02];

Mức 2

- a. Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [H2-2.3-03]; [H1-1.4-05];
 b. Trong 5 năm qua đánh giá, xếp loại nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên nào bị kỷ luật [H1-1.2-09]; [H2-2.3-02];

Mức 3

- a. 100% nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-03];
 b. Hàng năm, nhân viên kế toán được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó các nhân viên văn thư, thủ quỹ, thiết bị thí nghiệm, thư viện, y tế và bảo vệ tham gia các lớp tập huấn theo công văn hướng dẫn của cấp trên [H2-2.3-04]; [H2-2.3-06];

2. Điểm mạnh

- Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người.
- 100% nhân viên của nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

- Nhà trường chưa có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Còn thiếu một số vị trí việc làm: nhân viên thiết bị, tư vấn học sinh, văn thư viên trung cấp, chuyên viên về quản trị công sở, giáo vụ.
- Trình độ đào tạo của một số nhân viên chưa đáp ứng được vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Hàng năm nhà trường cử nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng cho nhân viên văn thư, thủ quỹ, thiết bị thí nghiệm, thư viện và bảo vệ để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.
- Tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung đủ nhân viên theo quy định tuyển mới bổ sung một số vị trí việc làm còn thiếu.

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chi báo	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Không đạt	a	Không đạt
B	Đạt	b	Không đạt	b	Không đạt
C	Đạt			-	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1

Tiêu chí 2.4: Học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a. Học sinh của nhà trường có độ tuổi theo quy định tại Điều 37, Điều lệ trường trung học. [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].
- b. Học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh theo quy định tại Điều 38, Điều lệ trường trung học [H1-1.5-06]: [H1-1.4-05].
- c. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật [H2-2.4-01].

Mức 2:

Học sinh của nhà trường không vi phạm các hành vi không được làm theo quy định tại Điều 41, Điều lệ trường trung học. Tuy nhiên, trong quá trình học tập và rèn luyện, học sinh còn vi phạm một số quy định tại Nội quy của nhà trường, nội quy lớp học đã được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-05]; [H1-1.5-06]: [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có nhiều học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H1-1.4-05]; [H2-2.4-01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, học sinh của nhà trường đảm bảo độ tuổi, học sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Hầu hết học sinh của nhà trường chăm, ngoan; có nhiều học sinh gương mẫu, tích cực trong học tập và rèn luyện, có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp học và của nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn một số ít học sinh chưa thường xuyên rèn luyện, thực hiện chưa tốt một số quy định về nhiệm vụ học sinh tại Điều lệ trường trung học. Còn học sinh vi phạm Nội quy trường, lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Thực hiện nhiều biện pháp ở tại trường, quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ, vận động tài trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn nhằm thu hút học sinh tới trường, kết hợp với việc BGH, GV, HS và phối hợp cùng Chính quyền địa phương cùng vận động để giảm tỷ lệ học sinh bỏ học.

Hàng năm BGH chỉ đạo và giao cho các tổ chức cá nhân (Đoàn -, GV,...) xây dựng kế hoạch và thường xuyên tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục toàn diện học sinh. Tiếp tục tổ chức phụ đạo học sinh trung bình, yếu để nâng cao chất lượng học sinh.

Hàng năm, BGH lựa chọn những GV có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm làm công tác chủ nhiệm lớp; Thường xuyên báo cáo, tham mưu với cấp Ủy, trong công tác duy trì sĩ số.

Tổ tư vấn tâm lí học đường xây dựng nội dung tuyên truyền, nói chuyện giúp HS giải tỏa tâm lý, sớm phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm của HS do những thay đổi tâm sinh lí lứa tuổi.

Chỉ đạo GVCN các lớp thường xuyên bám lớp, phát hiện kịp thời các trường hợp HS có hoàn cảnh khó khăn, HS thuộc diện chính sách, HS đạt thành tích cao trong các cuộc thi, hội thi, các hoạt động giáo dục... để đề xuất nhà trường hỗ trợ, khen thưởng kịp thời

Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ hợp lý cho giáo viên, có hình thức khen thưởng phù hợp để bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi từ lớp đầu cấp để tạo nguồn, nâng cao chất lượng, số lượng học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh.

Nhà trường tiếp tục đổi mới giải pháp giáo dục học sinh để giảm thiểu học sinh vi phạm Nội quy trường, lớp học, thực hiện tốt các quy định về nhiệm vụ đối với học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không

	đạt	(nếu có)		(nếu có)	đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
	Đạt		Đạt		Đạt

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại từ khá trở lên. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục và bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các môn học đảm bảo thực hiện Chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định; có khả năng và thực hiện các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, trong đó tỷ lệ từ mức khá trở lên đạt 95,5% nhiều sáng kiến được cấp cơ sở và cấp Sở công nhận. Không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

Từ năm học 2020-2021 đến nay nhà trường có 05 GV dạy giỏi cấp tỉnh và số GV giỏi năm sau nhiều hơn năm trước. Nhà trường luôn đảm bảo các quyền lợi của GV theo Quy định của Điều lệ trường trung học và các Luật theo quy định.

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định đáp ứng được vị trí việc làm, đảm nhiệm các nhiệm vụ công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực do hiệu trưởng phân công như: Thư viện - Thiết bị, Kế toán, Y tế học đường, Văn thư - Thủ quỹ. Nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm do các cấp bồi dưỡng. Nhân viên luôn hoàn thành tốt công việc.

HS được đảm bảo về độ tuổi, quyền, nhiệm vụ theo quy định; tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích, phát huy tính năng động, sáng tạo, tự tin, đảm bảo HS được phát triển toàn diện. Trong các năm học đều có HS đạt danh hiệu HS giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, tiếng dân tộc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu

trường còn hạn chế.

Số sản phẩm tham gia nghiên cứu KHKT các cấp của học sinh và số lượng GV được lựa chọn tham gia thi GVG cấp tỉnh các năm còn ít.

Còn hiện tượng HS bỏ học giữa chừng, chất lượng HS giỏi cấp tỉnh chưa cao.

3. Tự đánh giá

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 4/4

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 3/4

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 3/4

Tổng số lượng tiêu chí: 04

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học là phương tiện quan trọng góp phần quyết định đến chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao điều kiện cơ sở vật chất và bổ sung thêm trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho giáo viên và học sinh. Mặc dù điều kiện tài chính còn gặp nhiều khó khăn nhưng hàng năm nhà trường vẫn bổ sung thêm những trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a. Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b. Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh.

c. Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3: Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Diện tích khuôn viên nhà trường là $13880m^2$, đã được quy hoạch tương đối gọn gàng, sạch đẹp. Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường tính bình quân

theo đầu học sinh đạt $25 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$. Hàng tuần, hàng tháng Ban lao động đã lên kế hoạch cụ thể cho các lớp trực tuần đảm nhận công việc vệ sinh trường học luôn sạch sẽ. Việc tôn tạo cảnh quan sư phạm luôn được nhà trường chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh. Hàng cây xanh được trồng trước các dãy nhà cấp 4 và sau dãy nhà 2 tầng, trước và sau nhà 3 tầng. Vườn cây cảnh trồng ngay cạnh cổng vào trường với đa dạng các loại cây cảnh và cây hoa [H3-3.1-03]

b. Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh. Cổng trường được thiết kế bằng khung thép có biển tên Trường gắn trên cổng thiết kế biển xanh chữ trắng, hàng rào thiết kế chân móng bằng gạch khung bằng sắt phía trước. Một số chỗ tường bao đã xuống cấp sứt lún [H3-3.1-02]; [H3 - 3.1-03].

c. Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích khoảng 3400 m^2 (bình quân $6,1 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$) Trong đó có diện tích sân chơi là 3400 m^2 (chiếm 24,5 % tổng diện tích toàn trường, bình quân $6,1 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$); diện tích sân luyện tập TDTT 1800 m^2 (chiếm 13% tổng diện tích toàn trường, bình quân $3,2 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$) [H3-3.1-01];[H1-1.6-02].

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đảm bảo một số hoạt động tối thiểu cho các môn bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng bàn..Tổ chức các hoạt động giữa giờ. Nhà trường có sân tập luyện TDTT riêng biệt.[H3-3.1-03];[H3-3.1-02].

Mức 3: Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường tính bình quân theo đầu học sinh đạt $25 \text{ m}^2/\text{ học sinh}$.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 24,5% tổng diện tích sử dụng của trường(đảm bảo) [H3-3.1-03];[H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập, thoáng mát tạo điều kiện cho học sinh luyện tập và học tập có hiệu quả. Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan môi trường như trồng thêm cây xanh, cây cảnh, tu sửa các hệ thống thoát nước từ nguồn kinh phí có được qua công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường đã có khu xử lý rác thải, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải theo quy định duy trì môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

3. Điểm yếu:

Khuôn viên nhà trường còn nhỏ, sân chơi bãi tập còn hạn chế, một số đoạn tường bao đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nâng cấp những đoạn tường rào bị xuống cấp để đảm bảo an ninh trường học.

Nhà trường tiếp tục trồng thêm cây xanh, cây cảnh trong khuôn viên trường.

Xin thêm kinh phí để san đồi xây dựng sân chơi, bãi tập cho học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	c	Không đạt
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a. Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b. Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c. Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b. Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3: Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Phòng học của nhà trường có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H1-1.6-02]; [H3-3.2-02].

b. Nhà trường đã được đầu tư 02 phòng bộ môn tin học và ngoại ngữ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

c. Nhà trường có phòng Đoàn, thư viện [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]

Mức 2:

a. Đa số phòng học và phòng học bộ môn được xây dựng từ năm 1999 diện tích nhỏ dành cho HS tiểu học và THCS nhà trường tiếp quản lại từ năm 2004 không đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định, không đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01]; [H3-3.1-02].

b. Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-02]; [H1-1.6-02].

Mức 3: Các phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường chưa có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo theo quy định, không có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H3-3.2-02]; [H1-1.6-02]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có nhiều phòng lớp học bàn ghế thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

3. Điểm yếu:

Các phòng học chủ yếu được xây dựng với diện tích nhỏ dành cho HS tiểu học, THCS đã xuống cấp, phòng học bộ môn được lấy từ phòng học văn hóa nên chưa đảm bảo theo quy định, phòng Đoàn TN và CD còn chung CSVC.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đầu tư xây dựng thêm phòng học, phòng bộ môn đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn quy định.

Đầu tư xây dựng khối phòng hành chính đảm bảo đủ phòng cho các tổ chức như Đoàn TN, CD, phòng truyền thống của nhà trường

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Không đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a. Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường;

b. Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c. Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.

Mức 2: Khối hành chính – quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ(nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3: Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a. Khối hành chính-quản trị có 11 phòng gồm 1 phòng Hiệu trưởng, 2 phòng phó Hiệu trưởng, 1 phòng kế toán, 1 thư viện, 1 thủ quỹ, 1 thiết bị, 1 phòng công đoàn và đoàn thanh niên, 1 phòng y tế, 1 phòng chuyên môn, 1 phòng hội đồng, đáp ứng hoạt động của trường [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

b. Trường có 1 nhà xe học sinh có mái che, [H3-3.1-02]. [H3-3.2-01]

c. Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.2-02]. [H3-3.3-01]

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; có khu nhà nội trú cho giáo viên gồm 9 phòng ở và 9 phòng bếp, ba dãy nhà nội trú cho học sinh gồm 12 phòng mỗi phòng 05 giường 01 quạt, đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-02]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ khối lớp, phòng phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh. Các khối phòng học được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, an toàn.

3. Điểm yếu

Các phòng khu hiệu bộ và nội trú của học sinh đã xuống cấp, cơ sở vật chất thiếu thốn, khu bếp ăn đặt nơi chưa đảm bảo an toàn vệ sinh và cũng đã xuống cấp trầm trọng

Do khuôn viên nhà trường được sắp xếp chưa hợp lý dẫn đến khuôn viên

trường chật hẹp, nhà để xe giáo viên không có, nhà xe học sinh không đủ để chổ xếp xếp, sân chơi bãi tập còn hạn chế.

Nhân viên thiết bị còn kiêm nhiệm không thường xuyên ở phòng thiết bị dẫn đến giáo viên ít khi mượn thiết bị phục vụ cho bài học. Chưa lập phiếu giao nhận thiết bị khi có giáo viên mượn...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023 nhà trường được UBND tỉnh, sở GD và ĐT cấp kinh phí xây dựng 1 dãy nhà 3 tầng phục vụ đủ phòng học cho học sinh.

Năm 2024 nhà trường đã kêu gọi nguồn ủng hộ xã hội hóa đầu tư và xây dựng sân bóng, dàn hoa và bồn hoa phục vụ kỉ niệm 20 năm thành lập trường sắp tới.

Lập dự toán, làm tờ trình xin kinh phí để sửa chữa và làm lại cổng trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a. Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c. Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a. Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a. Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, học sinh [H3-3.2-02]; [H3-3.4-02]; [H3-3.1-02].

b. Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.4-02].

c. Nhà trường thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.4-02].

b) Nhà trường đã có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-01]; [H3-3.2-02]; [H3-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh và đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Khu vệ sinh còn đặt ở gần phòng học, không có khu vệ sinh cho giáo viên và nhân viên. Hệ thống thoát nước trước cửa phòng học của dãy nhà 2 tầng cần cải thiện để nước thoát nhanh hơn.

Một số lắp công thoát nước đã hỏng, chưa khắc phục được kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng khu vệ sinh dành cho giáo viên và nhân viên. Tu sửa hệ thống thoát nước. Có biện pháp khử mùi từ nhà vệ sinh học sinh để không ảnh hưởng đến lớp học gần đó.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chi báo	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2**Tiêu chí 3.5: Thiết bị****Mức 1:**

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

- a) Nhà trường có đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính, máy in và các thiết bị khác đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường ngoài ra còn tiến hành mua sắm thêm một số thiết bị khác như máy photocopy, máy in màu, hệ thống camera an ninh..... [H3-3.5-01]; [H1-1.6-02]; [H3-3.5-02]
- b) Phòng thiết bị của nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu dạy và học tối thiểu đảm bảo theo quy định. [H3-3.5-01]; [H1-1.6-02].
- c) Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm kê, bàn giao và sửa chữa các thiết bị hỏng hóc như máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và một số thiết bị khác. [H3-3.5-02]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05]

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính ở các phòng làm việc, phòng tin học của nhà trường đã được kết nối Internet đảm bảo phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy và học [H3-3.5-06]; [H3-3.5-07].
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. [H1-1.6-02] [3.5-01].
- c) Hằng năm nhà trường đã tiến hành mua sắm bổ sung các thiết bị văn phòng cần thiết và được cấp một số thiết bị dạy học. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-09].

Mức 3:

Nhà trường mới được đầu tư xây dựng một phòng thí nghiệm, phòng thực hành, việc khai thác các thiết bị dạy học đạt hiệu quả chưa cao, không tổ chức tự làm các thiết bị dạy học [H1-1.6-02]; [H3-3.5-10].

2. Điểm mạnh:

Được sự quan tâm của các cấp tới nay nhà trường có đầy đủ các thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học đảm bảo nhu cầu tối thiểu theo quy định, có đường điện ba pha, hệ thống internet cáp quang, hệ thống camera an ninh...

3. Điểm yếu:

Hệ thống máy tính phòng tin học, máy chiếu ở một số lớp đã quá niên hạn nên hỏng hóc thường xuyên chưa đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học

Hằng năm nhà trường chưa tổ chức tự làm các thiết bị dạy học.

Hệ thống mạng mới tập trung phục vụ tốt ở khu vực các phòng ban và phòng tin học còn ở một số lớp học còn chưa được đảm bảo

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cần đầu tư mua sắm hệ thống máy tính, máy in và các thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cho công tác quản lý cũng như công tác dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Trong thời gian tới cần tổ chức cho giáo viên tự làm các thiết bị dạy học, lắp củ phát wifi tới các dãy nhà học để phục vụ nhu cầu kết nối internet trong giảng dạy.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a. Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b. Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c. Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học chuẩn trở lên.

Mức 3: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Nhà trường được trang bị sách giáo khoa, sách tham khảo, báo, tạp chí tối thiểu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.4-05].

b. Hoạt động của Thư viện thực hiện theo kế hoạch. Thể hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy - học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

c. Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CBGVNV và học sinh. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở GD&ĐT. Hiện nay, nhà trường có 20 bộ sách giáo khoa, 2311 cuốn sách tham khảo, 75 sách giáo viên, 40 sách chuyên đề, có cán bộ phụ trách công tác thư viện đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hiện tại thư viện của nhà trường chưa đạt chuẩn do chưa có phòng đọc riêng, diện tích hẹp, đầu sách chưa phong phú. Hàng năm nhà trường đều được bổ sung sách, báo và tài liệu phục vụ nhu cầu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-01]; [H1-1.6-02];

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng được hệ thống thư viện điện tử. Nhà trường sử dụng phòng Tin học tích hợp cho việc tra cứu thông tin của học sinh trên Internet.

2. Điểm mạnh

Phòng thư viện đã được sửa chữa, sắp xếp, bố trí khoa học; Nhân viên thư viện đã tổ chức cho học sinh, giáo viên mượn, đọc SGK, STK, tạp chí...

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh

góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Do kinh phí còn hạn hẹp nên số lượng sách tham khảo chưa phong phú.

Diện tích phòng thư viện còn hẹp, đầu sách chưa phong phú, Nhân viên thư viện không xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học, việc thực hiện mở cửa thư viện chưa thường xuyên, số học sinh, giáo viên sử dụng sách tham khảo, tạp trí của thư viện còn ít..

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường quản lý nghiệp vụ thư viện, có kế hoạch bổ sung sách, tài liệu hàng năm;

Nhà trường in kinh phí đầu tư, xây dựng phòng đọc riêng cho cán bộ giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1

Kết luận về tiêu chuẩn 3

1. Điểm mạnh:

Trường THPT Mường Luân có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo. Có khuôn viên trường đáp ứng tiêu chí xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đúng quy định. Công tác tổ chức, quản lý cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu; có kế hoạch sử dụng hiệu quả. Khuôn viên trường tách biệt với nhà dân, có tường rào bảo vệ, có đầy đủ phòng học 1 ca/ngày, phòng học đủ tiêu chuẩn đáp ứng công tác dạy và học của giáo viên và học sinh. Các phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Phòng y tế có đầy đủ trang thiết bị y tế để chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, học sinh luôn được vệ sinh sạch sẽ. Khu nhà để xe giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý riêng biệt. Có hệ thống máy tính được kết nối internet. Hàng năm nhà trường được bổ sung sách, báo, tài liệu tham khảo. Khai thác tương đối tốt các phòng bộ môn, sử dụng hiệu

quả thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có.

2. Điểm yếu:

Ngoài các điểm mạnh ở trên nhà trường còn tồn tại các điểm yếu như thư viện cần bổ sung thêm các đầu sách, xây dựng thư viện điện tử cho học sinh, sắp xếp phòng đọc dành riêng cho giáo viên và học sinh; cần bổ sung trang thiết bị dạy học đã xuống cấp, hư hỏng, độ chính xác chưa cao như: nhà vệ sinh học sinh, hệ thống tường bao xung quanh trường ở một số vị trí đã cũ dẫn đến không an toàn cho an ninh của nhà trường, đất nhà trường hiện chưa được cấp sổ đỏ.

Kết quả tự đánh giá:

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 03/6
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 03/6
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 0/6

Tổng số lượng tiêu chí: 06

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Trong những năm qua quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội thực hiện tương đối tốt và hiệu quả. Góp phần tạo ra sự thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục, kế hoạch giáo dục, chăm sóc học sinh của tập thể sư phạm nhà trường với phụ huynh, với các đoàn thể, các cơ quan văn hoá giáo dục ngoài nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ:

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường; vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-04].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H4-4.1-04].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-04]. [H4-4.1-07].

Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ học sinh Trường THPT Mường Luân huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp học [H4-1.1-06]. [H1-1.4-05].

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện. Tuy nhiên sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường của một số Chi hội và phụ huynh chưa thể hiện rõ nét, chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh:

Trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Đã phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục toàn diện. Xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp theo từng năm học. Mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường họp định kì ít nhất 2 lần/năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp họp ít nhất 3 lần/năm.

3. Điểm yếu

Việc phối kết hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh chưa được thường xuyên.

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường của một số Chi hội và phụ huynh chưa thể hiện rõ nét, chưa thường xuyên.

Hiệu quả công tác xã hội hóa chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng nội dung kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục trong các cuộc họp phụ huynh, trong các hoạt động tập thể của nhà trường.

Kết hợp với Ban đại diện CMHS tiếp tục vận động, tranh thủ sự ủng hộ của các nhà hảo tâm để huy động các nguồn lực ngoài xã hội cho các hoạt động của học sinh.

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong mọi hoạt động để hiệu quả giáo dục học sinh ngày càng cao hơn. Giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh của các Chi hội để trao đổi và áp dụng nhiều hình thức trong việc giáo dục đạo đức, việc học tập ở nhà, rèn kỹ năng sống cho học sinh để các em thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1 và mức 2

Tiêu chí 4.2 Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-01]

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H4-4.2-01]; [H4-4.2-01]

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. [H1-1.4-05]

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-01]

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. [H4-4.2-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04]; [H1-1.4-05].

Mức 3

a. Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. [H4-4.2-01]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc triển khai kế hoạch giáo dục, được tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục.

Duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Cha mẹ học sinh, Các tổ chức, đoàn thể...) trong việc giáo dục đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia các hoạt động giáo dục và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học

3. Điểm yếu

Hoạt động phối hợp với một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ngoài địa phương chưa được duy trì thường xuyên, còn mang tính thời điểm.

Công tác tham mưu chiến lược phát triển nhà trường trong dài hạn (hướng tới trung tâm văn hóa – giáo dục của địa phương) chưa được triển khai đồng bộ, thiếu kế hoạch cụ thể.

Chưa khai thác tối đa các nguồn lực xã hội hóa từ cựu học sinh và các tổ chức xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ nhà trường phát triển thành trung tâm văn hóa – giáo dục của khu vực.

Mở rộng mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cựu học sinh nhằm huy động thêm nguồn lực hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

Duy trì cơ chế phối hợp thường xuyên, định kỳ giữa nhà trường và các tổ chức, đoàn thể để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh.

Đổi mới nội dung tuyên truyền, tăng cường hoạt động truyền thông trên các nền tảng số để nâng cao hình ảnh và vị thế của nhà trường trong cộng đồng.

5. Tự đánh giá:

Chỉ báo	Mức 1	Mức 2		Mức 3	
	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-	-	-	
	Đạt		Đạt		Không đạt

Kết quả: Đạt mức 1 và mức 2

Kết luận tiêu chuẩn 4:

1. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo đúng điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có kế hoạch cụ thể, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục nhà trường.

Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường.

2. Điểm yếu:

Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa phát huy tốt quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trường học trong cụm để phát huy tích cực vai trò là một trong những điểm văn hóa của địa phương. Nhà trường chưa nhận được sự giúp đỡ cao từ các ban ngành đoàn thể tại địa phương.

3. Kết quả tự đánh giá:

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 2/2
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 2/2
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 0/2

Tổng số lượng tiêu chí: 02

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Nhà trường thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo đúng quy định của Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo. Duy trì các hoạt động dự giờ, thao giảng, viết sáng kiến kinh nghiệm, thi giáo viên giỏi, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống giáo dục địa phương. Quan tâm đúng mức các hoạt động giáo dục thể chất – y tế trường học. Thực hiện tốt chủ đề năm học và hưởng ứng tích cực các cuộc vận động, phong trào thi đua.

Hiệu trưởng chỉ đạo công tác chủ nhiệm để nâng cao hiệu quả công tác quản lý học sinh, đặc biệt giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập chính vì vậy kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng cao.

Nhà trường tổ chức cho học sinh học tập kỹ năng sống thông qua các môn học chính khóa, ngoại khóa, các hoạt động tập thể giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, các mối quan hệ xã hội thường ngày từ đó tự điều chỉnh bản thân, rèn luyện bản thân để có các hành vi ứng xử phù hợp với các

chuẩn mực đạo đức mà xã hội quy định, sau đây là phần mô tả chi tiết các tiêu chí.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a. Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- c. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

- a. Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a. Trường THPT Mường Luân đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02];
- b. Giáo viên nhà trường đã chủ động tìm hiểu, học hỏi và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.1-01] [H1-1.8-02]; [H1-1.7-03]; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức [H2-2.2-02]; [H1-1.4-05].
- c. Nhà trường đã tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Các hình thức kiểm tra được giáo viên nhà trường vận dụng hiệu quả, đa dạng như kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 45 phút, ngoài ra nội dung, hình thức kiểm tra cũng rất đa dạng có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa trắc nghiệm và tự luận [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

a. Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.7-03];

b. Nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3

Hằng năm, nhà trường rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H5-5.1-04].

2. Điểm mạnh:

- Ban hành chương trình nhà trường; Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

- Giáo viên nhà trường đã chủ động tìm hiểu, học hỏi và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Nhà trường đã tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

- Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

- Nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện (Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, Hội thao cấp trường, Hội thi giai điệu tuổi hồng ...)

3. Điểm yếu:

Hoạt động rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục chưa toàn diện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhằm mục đích nâng cao việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông có hiệu quả nhà trường cần thực hiện:

- Hằng năm, nhà trường rà soát, phân tích đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

- Xây dựng các chuyên đề tìm hiểu về tác động của các biện pháp tổ chức giáo dục nhằm nâng cao chất lượng của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chi báo	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Tiêu chí: 5.2 – Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a. Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c. Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3: Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a. Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H5-5.2-01].

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.4-05].

c. Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H5-5.2-02], [H5-5.2-03], [H1-1.4-05].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [H5-5.2-01], [H5-5.2-03].

Mức 3: Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. [H5-5.2-03], [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh:

Có kế hoạch rõ ràng, thực hiện hiệu quả; đội ngũ giáo viên nhiệt tình; học sinh được hỗ trợ tốt.

3. Điểm yếu:

Một số hoạt động bồi dưỡng năng khiếu chưa sâu; kinh phí hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường phối hợp với phụ huynh, địa phương; mở rộng CLB năng khiếu; đổi mới phương pháp dạy học cho học sinh đặc thù.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	-	Đạt	-	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2 và mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương cho từng năm học. Chỉ đạo tổ chuyên môn, GV trực tiếp giảng dạy xây dựng kế hoạch có nội dung giáo dục địa phương để thực hiện, giúp các em được tìm hiểu và học tập. Nội dung giáo dục địa phương được thể hiện đầy

đủ trong tập bài soạn môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.....[H1-1.8-01].

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương thực hiện đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H1-1.5-04]; [H5-5.4-01].

c) Hàng năm có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.5-04]; [H1-1.8-01]; [H5-5.4-02].

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.8-01]; [H1-1.5-04]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu đã chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục địa phương theo yêu cầu đã quy định của các môn học.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục địa phương cho từng năm học, chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên trực tiếp giảng dạy xây dựng kế hoạch có nội dung giáo dục địa phương để thực hiện, giúp các em được tìm hiểu và học tập. Nội dung giáo dục địa phương được thể hiện đầy đủ trong tập bài soạn môn giáo dục địa phương.

Nhà trường xây dựng các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Giáo viên giảng dạy môn giáo dục địa phương chủ yếu là các giáo viên dạy kiêm nhiệm.

- Đến thời điểm hiện tại, chưa có sách giáo khoa môn dục địa phương lớp nên phải phô, tư liệu sử dụng cho bộ môn khó sưu tầm ảnh hưởng nhiều đến công tác giảng dạy và học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục địa phương cụ thể xuyên suốt năm học, có yêu cầu giao cho từng nhóm môn sưu tầm làm phong phú thêm tài liệu giáo dục địa phương.

- Chỉ đạo các GVBM sử dụng các tài liệu giáo dục địa phương lớp 10, 11, 12 do Sở GD&ĐT biên soạn đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt phục vụ cho công tác giảng dạy. Chỉ đạo các GVCN lớp 10, 11, 12 tổ chức cho HS phô tài liệu giáo dục địa phương đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt để dùng cho việc học tập.

Nhằm mục đích nâng cao việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương có hiệu quả nhà trường cần: Thường xuyên kiểm tra đánh giá định kỳ; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc sưu tầm các tư liệu về truyền thống địa phương và đất nước.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	

c	Đạt	-		-	
	Đạt	Đạt			

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a. Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]; [H1-1.8-01]
- b. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch [H1-1.8-01]
- c. Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H2-2.3-01]; [H2-2.3-03]

Mức 2:

- a. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H1-1.8-01]; [H5-5.4-01]
- b. Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-02]

2. Điểm mạnh:

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh được thực hiện theo đúng văn bản hướng dẫn của sở GD&ĐT.

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp có kế hoạch rõ ràng cụ thể, phù hợp với điều kiện nhà trường.

Hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đảm bảo tính khách quan và đạt hiệu quả giảng dạy, phù hợp với mục tiêu hoạt động.

3. Điểm yếu:

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là nội dung mới trong nhà trường.

Các giáo viên phụ trách là giáo viên kiêm nhiệm nên còn có nhiều bỡ ngỡ và lúng túng khi phụ trách HĐ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

GV tích cực tìm hiểu và đầu tư nhiều hơn nữa cho nội dung môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a. Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b. Quá trình rèn luyện tích lũy, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a. Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện

b. Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức: lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá, việc giáo dục về kỹ năng sống được phối hợp với Đoàn thanh niên, trung tâm y tế huyện và giáo viên lồng ghép vào nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục địa phương, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, Hoạt động giáo dục thông qua các hoạt động thảo luận theo nhóm, thuyết trình, các trò chơi đố vui trong học tập, ngoài ra còn được lồng ghép qua các chuyên đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp như tổ chức chuyên đề An toàn giao thông; [H5-5.1-05]; [H5-5.1-04].

b) Hằng năm, nhà trường phối hợp cùng các tổ chức, đoàn thể của địa phương tổ chức nhiều hội thi, chuyên đề cho học sinh với các nội dung như: tìm hiểu Luật Giao thông, chuyên đề về giới tính, giá trị sống ... Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh đã chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục. [H1-1.4-05].

c) Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kĩ năng phù hợp, trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với các tiêu chí giáo dục của nhà trường, pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc. [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Đoàn trường thường xuyên phát động các phong trào thi đua rèn kỹ năng sống cho học sinh: phong trào “Nói lời hay, làm việc tốt”, “ Thanh niên tình nguyện”, phong trào rèn tính chấp hành kỷ luật, thi đua học tập cho học sinh ngay từ đầu năm học mới nhằm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02]

b) Nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng sống trong các hoạt động vui chơi, giải trí giúp học sinh được rèn luyện thường xuyên nhưng không cảm thấy nặng nề, thông qua hoạt động để rèn kỹ năng sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh kỹ năng nhận diện vấn đề; biết xác định tình huống, tự khẳng định; biết cách từ chối khi bị người xấu lôi kéo, dụ dỗ; xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống trong cuộc sống, đặc biệt là các tình huống nguy hiểm; tạo thói quen sinh hoạt tổ, nhóm trong học tập và các hoạt động giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa dưới hình thức các hội thi, các buổi tìm hiểu về Luật Giao thông, giới tính từ đó

hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh. [H1-1.4-05].

Mức 3:

Việc nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả còn thấp. [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, các hội thi để học sinh tham gia nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học, chủ yếu là tham gia các hội thi cấp tỉnh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường với tất cả các môn để giúp học sinh phát triển toàn diện hơn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả xếp loại học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) học sinh đảm bảo chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch của nhà trường. [H1-1.4-05], [H5-5.6-02].

b) Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch ôn thi tốt nghiệp và có báo cáo trước kì thi tốt nghiệp THPT, có kế hoạch phối kết hợp công tác thi tốt nghiệp, Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp trong 5 năm cũng đảm bảo chỉ tiêu nhà trường đặt ra, kết quả tốt nghiệp của 5 năm đều đạt và vượt chỉ tiêu [H5-5.6-02].

c) Ngay từ đầu năm nhà trường đã xây dựng các văn bản chỉ đạo, triển khai tổ chức định hướng phân luồng cho học sinh như tổ chức cho các em học sinh trúng tuyển vào lớp 10 đăng kí các môn học, chuyên đề tự chọn theo Chương trình GDPT 2018, tổ chức tư vấn, định hướng cho các em học sinh lớp 12 đăng kí các tổ hợp hoặc môn thi tự chọn cho các kì thi tốt nghiệp THPT, đăng kí ôn tập, ôn thi phụ đạo, ôn thi tốt nghiệp THPT, ôn thi Đại học theo từng khối, tổ hợp xét tuyển các trường Đại học- Cao đẳng, tư vấn cho các em lựa chọn ngành, nghề phù hợp với năng lực, trình độ nhận thức của bản thân học sinh để đảm bảo đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Nhà trường tích cực phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong việc tư vấn, định hướng, hướng dẫn học sinh đăng kí các ngành, nghề, các khoa để tham gia học tập như trường Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Tây Bắc, Cao đẳng CNTT Thái Nguyên... [H5-5.6-02].

Mức 2

a) Kết quả xếp loại học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) học sinh trong 5 năm qua từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-05], [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2020- 2021 đến năm học 2024- 2025. Tỷ lệ HS lên lớp trong 5 năm trung bình đạt 96%; Tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT trong 5 năm trung bình đạt 98.72% [H1-1.4-05], [H5-5.6-02].

Mức 3

a) Kết quả xếp loại học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) học sinh trong 5 năm liên tiếp đạt hiệu quả tương đối cao, cụ thể:

- Tỷ lệ HS xếp loại Giỏi đạt 3,14%;
- Tỷ lệ HS xếp loại Khá đạt 52,9 %; Tỷ lệ HS xếp loại TB 38,52%;
- Tỷ lệ HS xếp loại Yếu- Kém chiếm 5,4 % [H5-5.6-02].
- Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm Tốt đạt 79,3%, Khá đạt 14,82% [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban

Trong 05 năm qua tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 8%; học sinh lưu ban chiếm tỷ lệ dưới 5% [H1-1.4-05], [H5-1.5-04].

2. Điểm mạnh

- Kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

- Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến tích cực trong 5 năm gần đây (2020–2025); tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng dần; tỷ lệ học sinh yếu, kém giảm; học sinh cơ bản đạt chuẩn đầu ra của cấp học.

- Nhà trường tổ chức hiệu quả công tác định hướng phân luồng, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh; các hoạt động phối hợp với trường đại học, cao đẳng được duy trì thường xuyên, giúp học sinh có nhận thức và định hướng nghề nghiệp phù hợp.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, quan tâm đến học sinh yếu, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu.

- Do đặc thù vùng khó khăn, phần lớn học sinh là con em dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế và khả năng nhận thức còn hạn chế nên kết quả học tập chưa thật đồng đều giữa các lớp, khối.

- Một số học sinh chưa tích cực trong học tập, thiếu tinh thần tự giác, còn vi phạm nội quy trường lớp; tỷ lệ học sinh yếu và lưu ban tuy giảm nhưng chưa đạt kỳ vọng của nhà trường.

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi chưa cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ học tập của học sinh còn hạn chế.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học vẫn còn cao, chủ yếu do hoàn cảnh gia đình và điều kiện đi lại khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Nâng cao chất lượng dạy và học: Các tổ chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên đề, tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong ôn thi tốt nghiệp, bồi dưỡng học sinh giỏi; duy trì việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên để hỗ trợ kịp thời học sinh gặp khó khăn trong học tập.

- Tăng cường công tác quản lý học sinh: Giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, đoàn thể trong việc duy trì sĩ số, giảm tỉ lệ học sinh bỏ học; quan tâm, động viên học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, giúp các em khắc phục khó khăn, vươn lên trong học tập.

- Đẩy mạnh tư vấn hướng nghiệp – phân luồng: Tiếp tục phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học, cao đẳng để tổ chức tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn ngành, nghề phù hợp năng lực và nhu cầu xã hội.

- Phát huy phong trào học tập và thi đua: Tổ chức các sân chơi trí tuệ, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ học tập; biểu dương, khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích tốt, tạo động lực thi đua học tập trong toàn trường.

- Ứng dụng công nghệ thông tin: Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý học sinh, công cụ học trực tuyến, học liệu số; hỗ trợ học sinh ôn tập, củng cố kiến thức mọi lúc, mọi nơi.

5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chi báo	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-		-	-
Đạt		Đạt		Không Đạt	

Kết quả: Đạt mức 1, mức 2

Kết luận Tiêu chuẩn 5:

1. Điểm mạnh

Trong 05 năm gần đây kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Ý thức chấp hành nội quy trường lớp, chấp hành pháp luật có chuyển biến rõ nét dẫn đến kết quả xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt trên 90 % và hạnh kiểm yếu dưới 2%. Nhà trường không có học sinh vi phạm các vụ việc nghiêm trọng dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Chất lượng học lực

từ trung bình trở lên và số học sinh khá giỏi đều đạt yêu cầu. Kết quả học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm bằng chung của toàn tỉnh, trong đó có một số năm đạt 100%. Hoạt động giáo dục nghề phổ thông - hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số học sinh tham gia học nghề phổ thông và có kết quả từ trung bình trở lên đạt 100%. Học sinh khối 12 được tư vấn chọn ngành dự thi vào các trường Đại học, Cao đẳng phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện kinh tế của gia đình và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Các hoạt động xã hội, công tác đoàn thể được học sinh tham gia sôi nổi và có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện các kỹ năng và hình thành nhân cách.

2. Điểm yếu

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như: Số lượng học sinh dự thi và đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh còn chưa ổn định, vẫn còn hiện tượng học sinh vi phạm nội quy trường lớp. Học sinh khối 12 chọn ngành nghề dự thi Đại học, Cao đẳng vẫn mang cảm tính theo phong trào chưa phù hợp với năng lực bản thân.

3. Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

- Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 6/6
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 6/6
- Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 2/4

Tổng số lượng tiêu chí: 06

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

III. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đang sử dụng Chương trình giáo dục phổ thông (Ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 3/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Điểm mạnh

Trường luôn bám sát và thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung kế hoạch chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3. Điểm yếu

Nội dung giáo dục của nhà trường chưa có sự tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia tập huấn các nội dung giáo dục tiên tiến do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên và Bộ Giáo dục và Đào tạo (khi có triệu tập của Sở Giáo dục và Đào tạo).

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Chưa đảm bảo 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ôn tập kiến thức cho học sinh, rà soát và hỗ trợ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Học sinh có năng khiếu văn nghệ, thể dục, thể thao đã được nhà trường tạo điều kiện cho tham gia nhiều hoạt động phong trào cấp trường, huyện và tỉnh và đạt thành tích cao, đóng góp vào thành công chung của trường.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất, các hạng mục phụ trợ còn thiếu. Một số học sinh có năng khiếu nhưng trường chưa tạo được điều kiện tốt nhất để học sinh phát triển hơn (ví dụ: học sinh có năng khiếu bơi, trường không đáp ứng được việc tập luyện thường xuyên, chỉ đầu tư tập luyện theo mùa vụ, trước khi có hội thao, hội khỏe...).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phân công giáo viên theo dõi, giám sát, tư vấn giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập.

Cử giáo viên tham gia tập huấn các lớp về chuyên môn, nghiệp vụ năng khiếu để tổ chức và huấn luyện thường xuyên hơn cho những học sinh có năng khiếu.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3. Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, trường lập Kế hoạch tham gia Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học, cử giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các em tham gia tích cực và đạt giải.

2. Điểm mạnh

Học sinh trường tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật đạt giải

3. Điểm yếu

Số lượng giải cuộc thi khoa học kỹ thuật còn ít, chưa ổn định theo các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng. Đầu tư, phát hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, say mê nghiên cứu khoa học. Liên hệ những giáo viên có kinh nghiệm, chuyên sâu giúp các em phát triển và thực hiện các dự án khoa học kỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 4. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện trường chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện nhà trường chưa có kết nối Internet băng thông rộng, chưa có mạng không dây, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu các hoạt động của nhà trường; Thư viện trường chưa có được nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú để đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường. Phòng thư viện là phòng bán kiên cố, chưa đảm bảo theo quy định.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thư viện khá rộng với nhiều đầu sách tham khảo, có phòng đọc đảm bảo yêu cầu. Thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý. Hoạt động thường xuyên và quản lý khá khoa học.

3. Điểm yếu

Chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Thư viện chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet băng thông rộng, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng thư viện, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiệm cận dần với Thư viện chuẩn quốc gia.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Nhiều năm liên tiếp trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc.

2. Điểm mạnh

Trường luôn phấn đấu hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược đề ra. Các tổ chức, đoàn thể luôn đoàn kết xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh.

3. Điểm yếu

Một số mục tiêu của nhà trường chưa đạt được theo phương hướng, chiến lược như tỷ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược đề ra mỗi năm học.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có được ít nhất 03 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có cùng điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

2. Điểm mạnh.

Nhà trường trong các năm học vừa qua đã đạt được nhiều thành tích tiêu biểu, là tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, được UBND huyện, Sở GD&ĐT tặng giấy khen và được UBND tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen, Được Trung ương đoàn tặng Bằng khen, Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh Điện Biên tặng Giấy khen.

3. Điểm yếu.

Tỉ lệ học sinh trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi chưa có nhiều giải cao.

Tính chủ động trong học tập ở một số học sinh chưa cao, thầy cô còn phải kèm cặp nhiều. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của học sinh vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo của nhà trường. Tích cực trao đổi kinh nghiệm để áp dụng nhiều giải pháp tích cực vào điều kiện thực tiễn của nhà trường giúp nâng cao thành tích trong các hoạt động giáo dục của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/6

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là báo cáo tự đánh giá trường THPT Mường Luân. Đối chiếu lại toàn bộ các tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ số của Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học đã được Bộ GD&ĐT ban hành, hội đồng tự đánh giá nhà trường đã đánh giá theo 5 tiêu chuẩn. Tuy nhiên, mức độ đạt ở một vài tiêu chuẩn còn chưa thật thoả đáng. Điều đó đã được Hội đồng tự đánh giá ghi ở những điểm yếu. Những điểm yếu ở một vài tiêu chuẩn tiếp tục được nhà trường khắc phục, đưa ra các biện pháp để cải tiến những điểm yếu đó trong những năm tiếp theo với mục đích phù hợp với yêu cầu của trường học đạt chuẩn theo quy định và yêu cầu của xã hội.

Báo cáo tự đánh giá đã khái quát, tổng hợp toàn bộ các tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ báo để đánh giá chất lượng trường theo các tiêu chuẩn, tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT, ngày 10/12/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường chưa đảm bảo tại tiêu chuẩn 3 do cơ sở vật chất còn thiếu, nhiều hạng mục xuống cấp, chưa được đầu tư xây dựng mới, đặc biệt là bếp ăn, nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt của học sinh; nhiều phòng học có kích thước chưa đạt yêu cầu do sử dụng lại các phòng học của cấp tiểu học từ khi thành lập trường, trường chưa có các khối phụ trợ phục vụ hành chính, nhà đa năng, dãy hiệu bộ, khu nhà nội trú và sân chơi bãi tập của học sinh chưa đảm bảo. Tại tiêu chuẩn 5, nhà trường còn có tỷ lệ học sinh bỏ học vượt quá quy định (3% theo TT 22/2024); Tỷ lệ xếp loại giáo dục hai mặt học học sinh và hiệu quả đào tạo còn chưa ổn định phát triển theo các năm.

Kết quả đánh giá theo các tiêu chí như sau:

TT	Mức 1		Mức 2		Mức 3	
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
Số tiêu chí	28	0	24	4	10	13
Tỷ lệ	100%	0%	85.7%	14.3%	43,5%	56,5%

Căn cứ công văn số 3057/SGDĐT-QLCL ngày 09/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2025-2026. Trường THPT Mường Luân đã xây dựng Kế hoạch tự đánh giá (Kế hoạch số 272/KH-THPTML ngày 15/9/2025). Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Kết quả cụ thể như sau:

- Tiêu chuẩn 1: có 07 tiêu chí đạt mức 2, 03 tiêu chí đạt mức 3.
- Tiêu chuẩn 2: có 04 tiêu chí đạt mức 3.
- Tiêu chuẩn 3: có 02 tiêu chí đạt mức 1, 03 tiêu chí đạt mức 2, 01 tiêu chí đạt mức 3.
- Tiêu chuẩn 4: có 02 tiêu chí đạt mức 2.
- Tiêu chuẩn 5: có 02 tiêu chí đạt mức 2, 04 tiêu chí đạt mức 3.

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá của nhà trường:

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2.
- Trường THPT Mường Luân, tỉnh Điện Biên đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương quan tâm để đầu tư xây dựng các hạng mục cơ sở vật chất còn đang thiếu và các hạng mục đã rất xuống cấp cho nhà trường đảm bảo hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; Các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng hoàn thiện và hiệu quả./.

Mường Luân, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để Báo cáo);
- Hội đồng tự đánh giá;
- GV-NV toàn trường;
- Công khai trên Website trường;
- Lưu VT.



Vũ Xuân Hồng